

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 885 /NMĐSH1-TM
V/v cung cấp báo giá "Mua sắm khăn chất
chuẩn tại các trạm quan trắc môi trường"

Cần Thơ, ngày 24 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà Cung Cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 có nhu cầu mua sắm khăn chất chuẩn tại các trạm quan trắc môi trường. Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất thời gian cấp hàng sớm nhất có thể.
3. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 29/04/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty) qua email theo địa chỉ dưới đây.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Trần Thị Ly Ly, Phòng Thương Mại - NMNĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: giangtth@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; lyttl@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (đề b/c);
- Lưu: VT, PTM (TTLL).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: MUA SẴM KHẨN CHẤT CHUẨN TẠI CÁC TRẠM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Đính kèm công văn số 885./NMDSH1-TM, ngày 24/04/2026)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, mã hàng (***)	ĐVT	Khối lượng	Thời hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tại thời điểm bàn giao (Tháng) (*)	Ghi chú
I	TRẠM QUAN TRẮC NƯỚC THẢI						
1	Dung dịch chuẩn COD 20 mg/L	Dung dịch chuẩn 20 mg/L Quy cách: 500 mL/chai	NSI - Q-11357-I-20	Chai	24		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
2	Dung dịch chuẩn COD 100 mg/L	Dung dịch chuẩn 100 mg/L Quy cách: 500 mL/chai	NSI - Q-11357-I-100	Chai	24		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
3	Dung dịch chuẩn NH4-N 6 mg/L	Dung dịch chuẩn 6 mg/L Quy cách: 500 mL/chai	Q-11359- I-6	Chai	24		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
4	Dung dịch chuẩn NH4-N 12 mg/L	Dung dịch chuẩn 12 mg/L Quy cách: 500 mL/chai	Q-11359- I-12	Chai	24		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
5	Dung dịch Oil in water (Phenol Equiv) 10 mg/L	Dung dịch chuẩn 10 mg/L Quy cách: 500 mL/chai	NSI - Q-11365-I-10	Chai	32		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
6	Dung dịch Oil in water (Phenol Equiv) 20 mg/L	Dung dịch chuẩn 20 mg/L Quy cách: 500 mL/chai	NSI-Q - 11365-I-20	Chai	32		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
7	Dung dịch chuẩn TSS 100 mg/L	Dung dịch chuẩn 100 mg/L Quy cách: 500 mL/chai	NSI - Q-11356-I-100	Chai	12		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
8	Dung dịch chuẩn TSS 200 mg/L	Dung dịch chuẩn 200 mg/L Quy cách: 500 mL/chai	NSI - Q-11356-I-200	Chai	12		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
9	Dung dịch chuẩn (CRM) thông số tổng clo dư trong nước	Total residual chlorine 2mL Flame Sealed Ampule Free Residual Chlorine 0.5-3 mg/L Total Residual Chlorine 0.5-3 mg/L Quy cách: 2 mL/L	ERA- 501	Ống	16		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
10	Dung dịch chuẩn (CRM) thông số clo dư trong nước	Residual chlorine 2mL Flame Sealed Ampule Free Residual Chlorine 0.5-3 mg/L Total Residual Chlorine 0.5-3 mg/L Quy cách: 2 mL/L	ERA- 696	Ống	16		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.



Handwritten signature in blue ink.

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, mã hàng (***)	ĐVT	Khối lượng	Thời hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tại thời điểm bàn giao (Tháng) (*)	Ghi chú
11	Khí chuẩn SO2 500 ppm	1. Khí chuẩn: 500 ppm SO2, N2 balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 120-144 bar hoặc 1.4-2.5 m3. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-16 lít; Vật liệu bình: Steel/Steel-A/Aluminum; Áp suất thử 250 bar; Áp suất làm việc: 150 bar; Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas hoặc Air Liquide hoặc tương đương	Bình	2		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
12	Khí chuẩn NOx 900 ppm	1. Khí chuẩn: 900 ppm NOx, N2 balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 120-144bar hoặc 1.4-2.5 m3. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-16 lít; Vật liệu bình: Aluminum; Áp suất thử 250 bar; Áp suất làm việc: 150 bar; Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas hoặc Air Liquide hoặc tương đương	Bình	2		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.
13	Khí chuẩn CO 1500 ppm	1. Khí chuẩn: 1500 ppm CO, N2 balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 120-144bar hoặc 1-2.5 m3. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-16 lít; Vật liệu bình: Aluminum/Aluminum-C; Áp suất thử 250 bar; Áp suất làm việc: 150 bar; Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas hoặc Air Liquide hoặc tương đương	Bình	2		Có thể chào hàng tương đương hoặc chính hãng.

Yêu cầu khác:

- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa: Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;

* Nhà thầu đề xuất thời hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tại thời điểm bàn giao

**Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bằng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.

